

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2021

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồ Cảnh

Ông Trần Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2021/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1987;

Địa chỉ cư trú: Xóm H, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện nay: Khối S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Hồ Thị N, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm H, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện nay: **6C, Hemsey Street, Balga WA 6061, Australia** (Úc); vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn Anh T trình bày:

Anh và chị Hồ Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An vào ngày 16 tháng 3

năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống không phù hợp nhau. Hiện nay, chị N đang sinh sống tại nước Úc còn anh và các con sinh sống tại huyện N, tỉnh Nghệ An. Do mỗi người ở một nơi nên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh đã nhiều lần khuyên chị N về Việt Nam để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái nhưng chị N không về. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay. Hiện tại, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hồ Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 28/8/2012; Nguyễn Thực N, sinh ngày 14/9/2014; Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 31/7/2018. Hiện các con chung đang ở với anh và do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi 03 con chung đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Anh T đang cư trú tại tỉnh Nghệ An, nhưng do dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, hạn chế đi lại và tiếp xúc nên anh không thể đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An để giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

*Theo bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt (có chứng thực của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại **Perth, Australia**), bị đơn chị Hồ Thị N trình bày:*

Chị đã biết anh Nguyễn Anh T làm đơn ly hôn chị tại Tòa án. Chị đã nhận được các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc ly hôn cũng như thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An do Anh T gửi cho chị. Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như Anh T trình bày. Chị và Anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An vào ngày 16 tháng 3 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống không phù hợp nhau. Hiện nay, chị đang sinh sống tại nước Úc còn Anh T cùng các con sinh sống tại huyện N, tỉnh Nghệ An. Do mỗi người ở một nơi nên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay nên Anh T làm đơn ly hôn thì chị

cũng đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và Anh T có 03 con chung là Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 28/8/2012; Nguyễn Thục N, sinh ngày 14/9/2014; Nguyễn Nguyên K, sinh 31/7/2018. Hiện các con chung đang do Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì điều kiện chị đang ở nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi con. Nếu ly hôn, chị và Anh T thỏa thuận giao 03 con chung cho Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và Anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang cư trú tại nước Úc, đi lại khó khăn nên chị không có điều kiện về Việt Nam để giải quyết vụ án ly hôn. Do đó, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Anh T có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hồ Thị N hiện đang cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, chị N có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì chị Hồ Thị N không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Anh T đang cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam đã nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và nộp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Nhưng do dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, hạn chế đi lại và tiếp xúc nên Anh T không thể tham gia phiên tòa được và đã có đơn

đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị Hồ Thị N đang cư trú và làm việc ở nước Úc (Australia) đã gửi các tài liệu, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt (được chứng thực của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại **Perth**, Australia) cho Tòa án. Nhưng do điều kiện đi lại khó khăn nên chị N không thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Các đương sự phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về các tài liệu và chứng cứ mà các bên đã nộp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh T và chị Hồ Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An vào ngày 16 tháng 3 năm 2012, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống của vợ chồng không phù hợp nhau. Hiện tại, chị N đang cư trú và làm việc tại nước Úc (Australia) còn Anh T đang cư trú và làm việc tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Do mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ năm 2019 đến nay nên Anh T nộp đơn xin ly hôn với chị N. Xét thấy, hôn nhân giữa anh Nguyễn Anh T và chị Hồ Thị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn Anh T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Anh T và chị Hồ Thị N có 03 con chung. Hiện các con chung đang ở với Anh T và được Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn, thì Anh T và chị N thỏa thuận: Giao cho anh Nguyễn Anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 28/8/2012; Nguyễn Thục N, sinh ngày 14/9/2014 và Nguyễn Nguyên K, sinh 31/7/2018 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của các con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Anh T và chị Hồ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm

a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh T và chị Hồ Thị N được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Anh Nguyễn Anh T và chị Hồ Thị N có 03 con chung;

Giao cho anh Nguyễn Anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 28/8/2012; Nguyễn Thục N, sinh ngày 14/9/2014 và Nguyễn Nguyên K, sinh 31/7/2018 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Hồ Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Anh T và chị Hồ Thị N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Anh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011458 ngày 06/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh Nguyễn Anh T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Anh T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Chị Hồ Thị N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã D, huyện D;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Văn Quỳnh